CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

SAIGON SECURITIES INC.

# THÔNG BÁO

(**V/v:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ)

*Ngày 05/12/2018*

CTCP Chứng Khoán Sài Gòn trân trọng thông báo về việc thực hiện giao dịch ký quỹ tại công ty như sau:

**1. Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất trong hạn: 0.0389%/ngày , được thay đổi tùy từng thời điểm
- Lãi suất quá hạn: 150% * Lãi suất trong hạn

**2. Thời hạn vay**: 90 ngày

**3. Tỷ lệ ký quỹ duy trì**: Tối thiểu 35% (thay đổi tùy từng thời điểm và có thể áp dụng khác nhau tùy từng khách hàng)

**4. Thời hạn bổ sung tỷ lệ ký quỹ duy trì**: Tối đa 2 ngày làm việc sau ngày vi phạm

**5. Thời hạn xử lý khoản vay đến hạn**: Tối đa 2 ngày làm việc sau ngày đến hạn

**6. Danh Mục giao dịch ký quỹ cập nhật đến ngày 05/12/2018**

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu | HNX | 50% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | CAP | Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 3 | CEO | CTCP Tập đoàn C.E.O | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 4 | CMS | CTCP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 5 | CSC | CTCP Tập đoàn COTANA | HNX | 20% | 100% | | 80% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 6 | DBC | CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam | HNX | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 7 | DBT | CTCP Dược phẩm Bến Tre | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 8 | DGC | CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang | HNX | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 9 | DXP | CTCP Cảng Đoạn Xá | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 10 | HJS | CTCP Thủy điện Nậm Mu | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 11 | HOM | CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 12 | HUT | CTCP Tasco | HNX | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 13 | INN | CTCP Bao bì và In Nông nghiệp | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 14 | KKC | CTCP Kim khí KKC | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 15 | LAS | CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 16 | MAC | CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải | HNX | 40% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 17 | NAG | CTCP Tập Đoàn Nagakawa | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 18 | NBC | CTCP Than Núi Béo - Vinacomin | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 19 | NDN | CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 20 | NET | Công ty Cổ Phần Bột Giặt NET | HNX | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 21 | NTP | CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 22 | PGS | CTCP Kinh doanh Khí miền Nam | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 23 | PMC | CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic | HNX | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 24 | PMS | CTCP Cơ khí xăng dầu | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 25 | PTI | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | PVB | CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 27 | PVG | CTCP Kinh doanh Khí miền Bắc | HNX | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 28 | PVI | CTCP PVI | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 29 | PVS | Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam | HNX | 40% | 100% | 10% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 30 | SAF | CTCP Lương thực Thực phẩm SAFOCO | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 31 | SD4 | CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 4 | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 32 | SD6 | CTCP Sông Đà 6 | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 33 | SD9 | CTCP Sông Đà 9 | HNX | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 34 | SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 35 | SHS | Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội | HNX | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 36 | SLS | CTCP Mía đường Sơn La | HNX | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 37 | TNG | CTCP Đầu tư và Thương mại TNG | HNX | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 38 | TV2 | CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 | HNX | 30% | 100% | 30% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 39 | VC3 | Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3 | HNX | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 40 | VC7 | CTCP Xây dựng 7 | HNX | 20% | 100% | 0% | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 41 | VCG | Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 42 | VCS | CTCP VICOSTONE | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 43 | VGC | Tổng Công ty Viglacera - CTCP | HNX | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 44 | VGS | CTCP Ống thép Việt Đức VGPIPE | HNX | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 45 | VHL | CTCP Viglacera Hạ Long | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 46 | VIT | CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIÊN SƠN | HNX | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 47 | VIX | Công ty Cổ phần Chứng khoán IB | HNX | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 48 | VNR | Tổng CTCP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam | HNX | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 49 | WCS | CTCP Bến xe Miền Tây | HNX | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 50 | AAA | Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 51 | ADS | Công ty Cổ phần Damsan | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 52 | AMD | Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 53 | ANV | Công ty Cổ phần Nam Việt | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 54 | ASM | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 55 | AST | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 56 | BBC | Công ty Cổ phần BIBICA | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 57 | BCE | Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 58 | BFC | Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 59 | BIC | Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 60 | BID | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 61 | BMC | Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 62 | BMI | Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 63 | BMP | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 64 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 65 | BWE | Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 66 | C32 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 | HOSE | 40% | 100% | 40% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 67 | CCL | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 68 | CEE | Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 69 | CII | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 70 | CLC | Công ty Cổ phần Cát Lợi | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 71 | CLL | Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 72 | CMG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC | HOSE | 20% | 100% | 10% | 80% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 73 | CNG | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 74 | CSM | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 75 | CSV | Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 76 | CTD | Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 77 | CTG | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 78 | CTI | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 79 | CTS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam | HOSE | 30% | 100% | 10% | 80% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 80 | CVT | Công ty Cổ phần CMC | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 81 | D2D | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 82 | DAG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á | HOSE | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 83 | DAT | Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 84 | DCL | Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 85 | DCM | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 86 | DGW | Công ty Cổ phần Thế Giới Số | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 87 | DHA | Công ty Cổ phần Hóa An | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 88 | DHC | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre | HOSE | 50% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 89 | DHG | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 90 | DIC | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 91 | DIG | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng | HOSE | 40% | 100% | 0% | 50% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 92 | DMC | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 93 | DPM | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 94 | DPR | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 95 | DQC | Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 96 | DRC | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 97 | DRH | Công ty Cổ phần DRH Holdings | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 98 | DSN | Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 99 | DVP | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 100 | DXG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh | HOSE | 40% | 100% | 40% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 101 | EVE | Công ty Cổ phần Everpia | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 102 | FCM | Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 103 | FCN | Công ty Cổ phần FECON | HOSE | 50% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 104 | FLC | Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC | HOSE | 20% | 100% | 0% | 80% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 105 | FMC | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 106 | FPT | Công ty Cổ phần FPT | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 107 | FTM | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 108 | GAS | Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 109 | GEX | Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 110 | GMC | Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 111 | GMD | Công ty Cổ phần GEMADEPT | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 112 | GSP | Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 113 | GTN | Công ty Cổ phần GTNFOODS | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 114 | HAH | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | HOSE | 30% | 100% | 30% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 115 | HAX | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 116 | HBC | Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình | HOSE | 30% | 100% | 30% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 117 | HCM | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 118 | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 119 | HDC | Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu | HOSE | 30% | 100% | 0% | 80% | 0% | 90% | 30% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 120 | HDG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô | HOSE | 20% | 100% | 0% | 50% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 121 | HHS | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 122 | HII | Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái | HOSE | 20% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 123 | HPG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 124 | HT1 | Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 125 | HTI | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 126 | HTL | Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 127 | IDI | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I | HOSE | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 128 | IJC | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 129 | IMP | Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 130 | ITD | Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 131 | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 132 | KDH | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | HOSE | 30% | 100% | | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 133 | KSB | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương | HOSE | 50% | 100% | 20% | 80% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 134 | LBM | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 135 | LCG | Công ty Cổ phần LICOGI 16 | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 136 | LDG | Công ty Cổ phần Đầu tư LDG | HOSE | 30% | 100% | 30% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 137 | LHG | Công ty Cổ phần Long Hậu | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 138 | LIX | Công ty Cổ phần Bột giặt LIX | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 139 | MBB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội | HOSE | 50% | 100% | 20% | 90% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 140 | MSN | Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 141 | MWG | Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động | HOSE | 50% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 142 | NAF | Công ty Cổ phần Nafoods Group | HOSE | 20% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 143 | NCT | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 144 | NKG | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim | HOSE | 20% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 145 | NLG | Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long | HOSE | 40% | 100% | 40% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 146 | NNC | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 147 | NSC | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 5000% | 100% | 50% | 100% |
| 148 | NT2 | Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 149 | NTL | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 150 | NVL | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 151 | OPC | Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 152 | PAC | Công ty Cổ phần Pin Ắc quy miền Nam | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 153 | PAN | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 5000% | 100% | 50% | 100% |
| 154 | PC1 | Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I | HOSE | 40% | 100% | 20% | 80% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 155 | PDN | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 156 | PDR | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 157 | PET | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 158 | PGC | Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 159 | PHR | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 160 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 161 | PNJ | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 162 | PPC | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 163 | PTB | Công ty Cổ phần Phú Tài | HOSE | 50% | 100% | 30% | 80% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 164 | PVT | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 165 | RAL | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 166 | REE | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 167 | SAB | Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 168 | SAM | Công ty Cổ phần SAM Holdings | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 169 | SBA | Công ty Cổ phần Sông Ba | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 170 | SBT | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 171 | SCR | Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | HOSE | 30% | 100% | 10% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 172 | SFG | Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 173 | SFI | Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 174 | SHI | Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | HOSE | 20% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 175 | SJD | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 176 | SJS | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 177 | SKG | Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 178 | SMC | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC | HOSE | 20% | 100% | 0% | 70% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 179 | SSC | Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 5000% | 100% | 50% | 100% |
| 180 | STB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 181 | STG | Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam | HOSE | 20% | 100% | | 100% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 182 | STK | Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 0% | 20% | 100% |
| 183 | SVC | Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 184 | SZL | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 185 | TCH | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 186 | TCL | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 187 | TCM | Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | HOSE | 40% | 100% | 40% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 188 | TCO | Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 189 | TCT | Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 190 | TDH | Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 191 | THG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang | HOSE | 10% | 100% | 10% | 100% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 192 | TLH | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến | HOSE | 20% | 100% | 0% | 60% | 0% | 90% | 20% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lên | | | | | | | | | |
| 193 | TMS | Công ty Cổ phần Transimex | HOSE | 30% | 100% | 10% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 194 | TNA | Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam | HOSE | 30% | 100% | 0% | 100% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 195 | TNC | Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 196 | TPB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 0% | 50% | 100% |
| 197 | TRC | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 198 | TTB | Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ | HOSE | 20% | 100% | 20% | 100% | 0% | 0% | 20% | 100% |
| 199 | TYA | Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 200 | UIC | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO | HOSE | 10% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 10% | 100% |
| 201 | VCB | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 202 | VFG | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 203 | VHC | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn | HOSE | 40% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 204 | VIC | Tập đoàn VINGROUP - Công ty Cổ phần | HOSE | 30% | 100% | 10% | 70% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 205 | VIP | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 206 | VJC | Công ty Cổ phần Hàng không VietJet | HOSE | 50% | 100% | 20% | 70% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 207 | VMD | Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 208 | VND | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 209 | VNE | Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |

| STT | Mã CK | Tổ chức phát hành | Sàn | Tỷ lệ hỗ trợ (CP sẵn có) | Tỷ lệ TSBĐ (CP sẵn có) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua đã thực hiện/ CP thưởng/ cổ tức bằng CP) | Tỷ lệ hỗ trợ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ TSBĐ (quyền mua chưa thực hiện) (*) | Tỷ lệ hỗ trợ (cổ tức bằng tiền) | Tỷ lệ TSBĐ (cổ tức bằng tiền) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 210 | VNG | Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 211 | VNM | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 212 | VNS | Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 213 | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | HOSE | 50% | 100% | 50% | 100% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 214 | VPH | Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng | HOSE | 20% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 20% | 100% |
| 215 | VRC | Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |
| 216 | VRE | Công ty Cổ phần Vincom Retail | HOSE | 40% | 100% | 20% | 100% | 0% | 90% | 40% | 100% |
| 217 | VSC | Công ty Cổ phần Container Việt Nam | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 218 | VSH | Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh | HOSE | 50% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 50% | 100% |
| 219 | VSI | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước | HOSE | 0% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 0% | 100% |
| 220 | VTO | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO | HOSE | 30% | 100% | | 0% | 0% | 90% | 30% | 100% |

**Trân trọng,**
**Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

**Ghi chú:** những mã CK hiện tại không có sự kiện quyền thì tỉ lệ hỗ trợ, tỉ lệ TSBĐ của quyền tương ứng sẽ được bỏ trống.

(*) Quyền mua chưa thực hiện: được thể hiện dưới dạng RXXX trên Danh mục chứng khoán trong TK của Quý khách.
Quyền mua chưa thực hiện sẽ được tính toán vào giá trị TSBĐ sau khi nhân chia với tỉ lệ thực hiện quyền
Ví dụ: cp AAA có chào bán quyền mua tỷ lệ 2 được 1 → 1 cp được hưởng 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cp AAA giá 12
TK có 1000 AAA
Khi chưa đăng ký, Giá trị TSBĐ của quyền mua chưa thực hiện sẽ = 1000 RAAA : 2x1( tỉ lệ quyền) x tỉ lệ TSBĐ x (giá thị trường của AAA - giá mua quyền 12)

Sau khi đăng ký quyền mua, Giá trị TSBĐ của quyền mua đã thực hiện sẽ = 500 AAA quyền x tỉ lệ TSBĐ x giá thị trường của AAA.